

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN XUÂN TRƯỜNG
TỈNH NAM ĐỊNH**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 124/2019/HNGĐ - ST
Ngày: 15 - 7 - 2019
V/v: *Ly hôn*.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN XUÂN TRƯỜNG, TỈNH NAM ĐỊNH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Ngọc Long.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Hồng Minh;

Bà Đinh Thị Hồng Thơm.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thanh Xuân - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Xuân Trường.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Xuân Trường tham gia phiên tòa: Bà Khổng Thị Tươi – Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 7 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Xuân Trường, tỉnh Nam Định xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 83/2019/TLST – HNGĐ, ngày 06/5/2019 về việc tranh chấp “Ly hôn” theo Quyết định hoãn phiên tòa số 16/2019/QĐST - HNGĐ ngày 27/6/2019 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Anh Trần Kim T, sinh năm 1980; địa chỉ: Xóm x, xã G, huyện G, tỉnh Nam Định; “Anh T có đơn xin xét xử vắng mặt”.

- *Bị đơn:* Chị Nguyễn Thùy N, sinh năm 1987; địa chỉ: Xóm 1, xã Xuân V, huyện X, tỉnh Nam Định; “vắng mặt”.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 26/4/2019, lời khai trong quá trình tố tụng, nguyên đơn anh Trần Kim T trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Anh kết hôn với chị Nguyễn Thùy N trên cơ sở tự nguyện tìm hiểu, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã M, Thành phố N, tỉnh Nam Định vào ngày 25/12/2017. Vợ chồng chung sống không hạnh phúc, nguyên nhân là do tính tình lối sống không hòa hợp, bất đồng quan điểm. Từ tháng 6 năm 2018, chị N đã bỏ về nhà bố mẹ đẻ sinh sống, vợ chồng sống ly thân nhau từ đó không quan tâm đến nhau. Nay anh xác định không còn tình

cảm với chị N, vợ chồng không thể tiếp tục chung sống hạnh phúc, vì vậy anh xin được ly hôn chị Nguyễn Thùy N.

Về con chung: Vợ chồng không có con chung.

Về tài sản chung, nghĩa vụ về tài sản: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn là chị Nguyễn Thùy N đã được Tòa án nhân dân huyện Xuân Trường tổng đạt hợp lệ Thông báo thụ lý vụ án, giấy báo gọi đến Tòa án làm việc nhưng đều vắng mặt không có lý do cũng không có văn bản thể hiện quan điểm về yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của anh T.

Kết quả làm việc với người thân của chị N: Tòa án nhân dân huyện X đã làm việc với ông Nguyễn Tiến T là bố đẻ của chị N. Ông T trình bày: Sau khi cưới vợ chồng anh, chị N không chung sống cùng gia đình ông nhưng khoảng gần 01 năm nay chị N về chung sống cùng gia đình ông, thời gian gần đây chị N thường xuyên đi làm ăn xa, thỉnh thoảng có về nhà. Sau mỗi lần nhận Thông báo thụ lý vụ án và các giấy báo gọi chị N của Tòa án ông T đều thông báo cho chị N biết nhưng chị N bận không thể về Tòa án làm việc được nên đề nghị Tòa án giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật. Nay ông mong muốn Tòa án giải quyết cho anh T được ly hôn chị N để anh chị sớm ổn định cuộc sống riêng. Về con chung và tài sản chung giữa anh T và chị N như anh T trình bày là đúng.

Kết quả xác minh thu thập chứng cứ tại xã X: Mặc dù sau khi kết hôn chị Nguyễn Thùy N sinh sống cùng chồng ở nơi khác nhưng không chuyển khẩu, hiện nay chị N vẫn đăng ký hộ khẩu thường trú tại xóm 1, xã X, huyện X, tỉnh Nam Định.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện X tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

Về việc chấp hành pháp luật tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán trong giai đoạn chuẩn bị xét xử và Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa tại phiên tòa đã tuân thủ đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn anh Trần Kim T đã chấp hành đúng quy định của pháp luật và có đơn xin xét xử vắng mặt. Bị đơn chị Nguyễn Thùy N được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai mà vẫn vắng mặt tại phiên tòa nên Tòa án xét xử vắng mặt đương sự là đúng theo quy định tại khoản 2 Điều 227; khoản 1 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Căn cứ vào Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình; đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của anh Trần Kim T đối với chị Nguyễn Thùy N.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Nguyên đơn anh Trần Kim T chấp hành đúng quy định của pháp luật và có đơn xin xét xử vắng mặt. Bị đơn chị Nguyễn Thùy N được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai mà vẫn vắng mặt tại phiên tòa; Hội đồng xét xử xét

xử vắng mặt đương sự là phù hợp với điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Quan hệ hôn nhân giữa anh Trần Kim T và chị Nguyễn Thùy N là hợp pháp, được xác lập từ ngày 25/12/2017. Cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc do tính tình lối sống không hòa hợp, bất đồng quan điểm, vợ chồng sống ly thân, không quan tâm đến nhau. Anh T xin ly hôn, chị N đã được gia đình thông báo việc này nhưng không về Tòa án để làm việc cũng không có ý kiến gì. Như vậy, anh T và chị N đã không thực hiện nghĩa vụ của vợ chồng theo quy định của Luật hôn nhân và gia đình là vợ chồng phải có nghĩa vụ chung sống, yêu thương, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ lẫn nhau. Xét thấy, mục đích hôn nhân không đạt được, hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài nên căn cứ vào khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu ly hôn của anh Trần Kim T đối với chị Nguyễn Thùy N, cũng là phù hợp với thực tế và quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện X.

[3] Về con chung: Anh Trần Kim T và chị Nguyễn Thùy N không có con chung.

[4] Về tài sản: Anh Trần Kim T và chị Nguyễn Thùy N đều không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét điều chỉnh.

[5] Về án phí: Nguyên đơn anh Trần Kim T phải nộp án phí ly hôn theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: Khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 147 của Bộ luật Tố tụng Dân sự; Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án;

1. Về hôn nhân: Xử cho ly hôn giữa anh Trần Kim T và chị Nguyễn Thùy N.

2. Về án phí: Anh Trần Kim T phải nộp án phí ly hôn là 300.000 đồng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí là 300.000 đồng đã nộp theo Biên lai thu số 0001508 ngày 06/5/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện X, anh Trần Kim T đã nộp đủ án phí ly hôn.

4. Về quyền kháng cáo: Đương sự có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- TAND + VKSND tỉnh Nam Định;
- VKSND huyện X;
- Chi cục THADS huyện X;
- UBND xã Gi;
- Lưu hồ sơ vụ án;

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(đã ký)**

Phạm Ngọc Long

- Lưu văn phòng.